Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8906.10.00

Mã HS	8906.10.00
Mô tả hàng hóa	Tàu thuyền khác, kể cả tàu chiến và xuồng cứu sinh trừ thuyền dùng mái chèo / - Tàu chiến
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	04/11/2026 11:49:15
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/89061000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K17870
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N17870
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q17870
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VN-EAEU	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E17195
ATIGA	2022	2022	0	AT!E17124
ATIGA	2023	2023	0	AT!F17124
ATIGA	2024	2024	0	AT!G17124
ATIGA	2025	2025	0	AT!H17124
ATIGA	2026	2026	0	AT!I17124
ATIGA	2027	2027	0	AT!J17124
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E17180
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F17180
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G17180

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H17180
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I17180
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J17180
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E17181
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F17181
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G17181
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H17181
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I17181
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J17181
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F17186
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H17142
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F17138
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G17138
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H17138
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I17138
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J17138
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K17138
VKFTA	2022	2022	0	VK!E17184
VKFTA	2023	2023	0	VK!F17184
VKFTA	2024	2024	0	VK!G17184
VKFTA	2025	2025	0	VK!H17184
VKFTA	2026	2026	0	VK!I17184
VKFTA	2027	2027	0	VK!J17184
VCFTA	2022	2022	0	VC!D17246
VCFTA	2023	2023	0	VC!E17246
VCFTA	2024	2024	0	VC!F17246

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2025	2025	0	VC!G17246
VCFTA	2026	2026	0	VC!H17246
VCFTA	2027	2027	0	VC!I17246
VN-EAEU	2022	2022	*	EAV!D17222
VN-EAEU	2023	2023	*	EAV!E17222
VN-EAEU	2024	2024	*	EAV!F17222
VN-EAEU	2025	2025	*	EAV!G17222
VN-EAEU	2026	2026	*	EAV!H17222
VN-EAEU	2027	2027	*	EAV!I17222
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D17217
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E17217
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F17217
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G17217
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H17217
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I17217
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D17247
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E17247
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F17247
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G17247
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H17247
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I17247
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D17246
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E17246
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F17246
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G17246
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H17246

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I17246
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D17340
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E17340
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F17340
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G17340
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H17340
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I17340
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J17340
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D17209
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E17209
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F17209
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G17209
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H17209
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I17209
RCEP B	2022	2022	0	B!D17209
RCEP B	2023	2023	0	B!E17209
RCEP B	2024	2024	0	B!F17209
RCEP B	2025	2025	0	B!G17209
RCEP B	2026	2026	0	B!H17209
RCEP B	2027	2027	0	B!I17209
RCEP C	2022	2022	0	C!D17207
RCEP C	2023	2023	0	C!E17207
RCEP C	2024	2024	0	C!F17207
RCEP C	2025	2025	0	C!G17207
RCEP C	2026	2026	0	C!H17207
RCEP C	2027	2027	0	C!I17207

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2022	2022	0	D!D17206
RCEP D	2023	2023	0	D!E17206
RCEP D	2024	2024	0	D!F17206
RCEP D	2025	2025	0	D!G17206
RCEP D	2026	2026	0	D!H17206
RCEP D	2027	2027	0	D!I17206
RCEP E	2022	2022	0	E!D17210
RCEP E	2023	2023	0	E!E17210
RCEP E	2024	2024	0	E!F17210
RCEP E	2025	2025	0	E!G17210
RCEP E	2026	2026	0	E!H17210
RCEP E	2027	2027	0	E!I17210
RCEP F	2022	2022	0	F!D17209
RCEP F	2023	2023	0	F!E17209
RCEP F	2024	2024	0	F!F17209
RCEP F	2025	2025	0	F!G17209
RCEP F	2026	2026	0	F!H17209
RCEP F	2027	2027	0	F!I17209
VIFTA	2024	2024	0	VI!F16140
VIFTA	2025	2025	0	VI!G16140
VIFTA	2026	2026	0	VI!H16140
VIFTA	2027	2027	0	VI!I16140

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-002	ORANGE	Giấy phép / danh mục quản lý	Chính sách mặt hàng tham chiếu danh mục quản lý: Cấm XK, NK thuộc QLCN của BQP (173/2018/TT-BQP)		173/2018/TT-BQP	Xác minh hàng hóa có thuộc diện giấy phép, cấm hoặc hạn chế theo văn bản nêu trên.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-001	YELLOW	Kiểm tra chuyên ngành	Chính sách mặt hàng: Chứng nhận chất lượng ATKT và BVMT sau TQ, trước khi đưa ra thị trường (12/2022/TT-BGTVT và 62/2024/TT-BGTVT)		12/2022/TT-BGTVT, 62/2024/TT-BGTVT	Chuẩn bị hồ sơ đăng ký kiểm tra/chứng nhận theo văn bản nêu trên trước khi thông quan.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8906.10.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8906.10.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N17870), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
Cấm XK, NK thuộc QLCN của BQP (173/2018/TT-BQP)
Chứng nhận chất lượng ATKT và BVMT sau TQ, trước khi đưa ra thị trường (12/2022/TT-BGTVT và 62/2024/TT-BGTVT)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.